

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH QUẢNG NAM
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN TIỀN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/TB-THADS

Tiên Phước, ngày 18 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014; năm 2022);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 41/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam,

Căn cứ Quyết định thi hành án số 170/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 16/QĐ-CTHADS ngày 27/3/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số: 134/CTTĐG-VFC ngày 10/6/2024 của Công ty CP thẩm định giá và dịch vụ tài chính Quảng Nam

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Do đương sự không thoả được tổ chức bán đấu giá tài sản, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

1. Quyền sử dụng đất của thửa đất số: 62/1, tờ bản đồ số: 2, diện tích: 89,3m²; mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, địa chỉ tại thôn 4, xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

2. Quyền sử dụng đất của thửa đất số: 62, tờ bản đồ số: 2, diện tích: 347,3; mục đích sử dụng: đất lúa, địa chỉ tại thôn 4, xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyền sử dụng đất của thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 9, diện tích: 376,0m²; mục đích sử dụng: đất lúa, địa chỉ tại thôn 4, xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

4/ Công trình xây dựng, cây trồng trên đất:

+ Nhà ở:

- Mái lợp tôn Fibro xi măng, diện tích (3,3 x 3)m².

- Tường xây gạch ống, có chiều cao tường ≤ 6m, kết cấu (3,9 x 0,1 x 4,5)m³.

Tường xây gạch ống, có chiều cao tường ≤ 6m, kết cấu (3,9 x 0,1 x 4,5) – 1,55 x 0,1

x 2,25)m³. Tường ngoài và trong trát tường chưa hoàn thiện. Hiện trạng đã xuống cấp, nhiều chỗ bị lốc.

- Nền láng xi măng: (3,9 x 3)m². Hiện trạng đã xuống cấp, nhiều chỗ bị lốc.
- Dầm: Bê tông cốt thép, xà, dầm, giằng có thép (3,9 x 0,12 x 0,12)m³. Hiện trạng đã xuống cấp.

- Keo: 03 cây, khoản 3 năm tuổi.
- Cau: 01 cây có trái.
- 20 trụ xi măng kích thước 15cm x 15cm, cao 1,2m, được kéo 02 đường dây thép gai dài khoản 20m.

Gía tài sản khởi điểm: **288.810.000** đồng.

Bảng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu, tám trăm mười ngàn đồng.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

1/ Có địa chỉ rõ ràng tại tỉnh Quảng Nam, có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2/ Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

3/ Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

4/ Có thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp với quy định của pháp luật.

5/ Là tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư Pháp công báo.

6/ Các chỉ tiêu khác phù hợp với tài sản đấu giá giasdo có tài sản đấu giá quyết định.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

Như tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Thời gian nộp hồ sơ: Trong 3 (ba) ngày làm việc liên tiếp, kể từ thời điểm đăng thông báo.

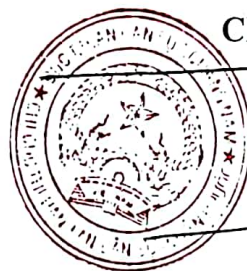
Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Địa chỉ nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Số 130 đường 10/3, khối phố Tiên Bình, thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Phạm Bá Phúc

Kèm theo Thông báo này là Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản.

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0

4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0

2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0

6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100